|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH LÂM ĐỒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /QĐ-UBND | *Lâm Đồng, ngày tháng 02 năm 2024.* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông tại bãi bồi và lòng suối Đạ K’Nàng, xã Đạ Đờn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng của Công ty TNHH Khánh Luân Gia**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17/11/2010;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016 quy định kỹ thuật về công tác thăm dò cát, sỏi lòng sông và đất, đá làm vật liệu san lấp và số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/12/2017 quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;*

*Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số 80/GP-UBND ngày 27/10/2021 của UBND tỉnh;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 62/TTr-STNMT ngày 22/02/2024 (đính kèm hồ sơ, tài liệu liên quan).*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông tại bãi bồi và lòng suối Đạ K’Nàng, xã Đạ Đờn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng của Công ty TNHH Khánh Luân Gia (*trữ lượng tính đến tháng 01/2022*) với các nội dung chính sau:

1. Diện tích phê duyệt trữ lượng là 4,954 ha (tương đương 1,423km lòng suối và 4,08ha bãi bồi), có tọa độ xác định tại Phụ lục số 01 và bình đồ phân khối trữ lượng kèm theo Quyết định này.

2. Trữ lượng địa chất khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường đã tính trong báo cáo (*trữ lượng tính đến tháng 01/2022*): trữ lượng ở cấp 121: 141.254m3; trữ lượng ở cấp 122: 5.927m3.

3. Mức sâu khối trữ lượng phê duyệt: như Phụ lục số 02 kèm theo.

**Điều 2.**

1. Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ, thiết kế khai thác mỏ, hồ sơ có liên quan và giao nộp lưu trữ địa chất theo quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện về sự phù hợp theo quy định của pháp luật trong việc tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt trữ lượng khoáng sản nêu trên.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng; Chủ tịch UBND huyện Lâm Hà và người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Khánh Luân Gia căn cứ quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - CT, các PCT UBND tỉnh;  - Cục Khoáng sản Việt Nam;  - Như Điều 3;  - TT Thông tin lưu trữ địa chất;  - Lưu: VT, TL. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH** |
| **Nguyễn Ngọc Phúc** |

ỦY BAN NHÂN DÂN

TỈNH LÂM ĐỒNG Phụ lục 1

TỌA ĐỘ PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN CÁT XÂY DỰNG

TẠI BÃI BỒI VÀ LÒNG SUỐI ĐẠ K’NÀNG, XÃ ĐẠ ĐỜN,

HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /02/2024 của UBND tỉnh)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Điểm góc | TOẠ ĐỘ VN 2000  Kinh tuyến trục 107045’, múi chiếu 30 | |
| X(m) | Y(m) |
| **Khu I: 0,34 ha (tương đương 512m lòng suối)** | | |
| 1 | 1.307.331 | 547.577 |
| 2 | 1.307.339 | 547.586 |
| 3A | 1.307.133 | 548.043 |
| 4 | 1.307.129 | 548.039 |
| **Khu II: 0,094ha (tương đương 167m lòng suối)** | | |
| 5A | 1.307.091 | 548.112 |
| 6 | 1.307.098 | 548.120 |
| 7A | 1.306.955 | 548.204 |
| 8A | 1.306.951 | 548.201 |
| **Khu III: 0,15ha (tương đương 295m lòng suối)** | | |
| 9A | 1.306.835 | 548.350 |
| 10A | 1.306.842 | 548.351 |
| 11 | 1.306.910 | 548.612 |
| 12 | 1.306.904 | 548.613 |
| **Khu IV: 0,29ha (tương đương 449m lòng suối)** | | |
| 13A | 1.307.009 | 548.911 |
| 14A | 1.307.013 | 548.903 |
| 15 | 1.307.423 | 548.919 |
| 16 | 1.307.426 | 548.930 |
| **Khu V: 0,4ha** | | |
| 17A | 1.307.206 | 547.967 |
| 18 | 1.307.231 | 547.977 |
| 19 | 1.307.188 | 548.095 |
| 20A | 1.307.153 | 548.079 |
| **Khu VI: 1,42ha** | | |
| 21 | 1.307.113 | 548.140 |
| 22 | 1.307.118 | 548.209 |
| 23 | 1.307.049 | 548.315 |
| 24 | 1.306.952 | 548.218 |
| **Khu VII: 2,26ha** | | |
| 25A | 1.306.864 | 548.350 |
| 26A | 1.306.915 | 548.306 |
| 27 | 1.306.974 | 548.471 |
| 28 | 1.306.996 | 548.688 |
| 29A | 1.306.940 | 548.685 |
| 31 | 1.306.931 | 548.650 |
| 32 | 1.306.912 | 548.581 |
| 33 | 1.306.931 | 548.500 |
| 34 | 1.306.921 | 548.448 |
| 35 | 1.306.875 | 548.417 |
| 36 | 1.306.857 | 548.381 |
| Tổng diện tích: 4,954 ha (tương đương 1,423km lòng suối và 4,08ha bãi bồi) | | |

ỦY BAN NHÂN DÂN

TỈNH LÂM ĐỒNG Phụ lục 2

THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN CÁT XÂY DỰNG

TẠI BÃI BỒI VÀ LÒNG SUỐI ĐẠ K’NÀNG, XÃ ĐẠ ĐỜN,

HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /02/2024 của UBND tỉnh)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Khối trữ lượng** | **Mức sâu thấp nhất**  **khối trữ lượng (m)** | **Trữ lượng**  **(m3)** | **Ghi chú** |
| 1 | I-122 | Mức sâu khai thác trung bình 0,57m | 2.062 |  |
| 2 | II-122 | Mức sâu khai thác trung bình 0,45m | 634 |  |
| 3 | III-122 | Mức sâu khai thác trung bình 0,50m | 706 |  |
| 4 | IV-122 | Mức sâu khai thác trung bình 0,70m | 2.525 |  |
| **Tổng 122** | | | **5.927** |  |
| 5 | V-121 | Cote + 857m | 15.694 |  |
| 6 | VI-121 | Cote + 857m | 39.133 |  |
| 7 | VII-121 | Cote + 856m | 86.427 |  |
| **Tổng 121** | | | **141.254** |  |
| **Tổng 121 + 122** | | | **147.181** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH LÂM ĐỒNG  **VĂN PHÒNG**  **⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯** |

**PHIẾU TRÌNH GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC**

HỒ SƠ 1 CỬA

Kính gửi: Lãnh đạo UBND tỉnh.

**Vấn đề trình:** Phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông tại bãi bồi và lòng suối Đạ K’Nàng, xã Đạ Đờn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng của Công ty TNHH Khánh Luân Gia.

**Cơ quan trình:** Sở TNMT tại Tờ trình số 62/TTr-STNMT ngày 22/02/2024.

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Tóm tắc nội dung và kiến nghị:** | |
| Công ty TNHH Khánh Luân Gia (Công ty) được UBND tỉnh cấp phép thăm dò khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường theo giấy phép thăm dò số 80/GP-UBND ngày 27/10/2021 của UBND tỉnh. Sau khi hoàn thành công tác thăm dò, Công ty đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản để thực hiện, cụ thể:  Căn cứ khoản 1, khoản 2, điều 34, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ, Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ; Sở Tài nguyên và Môi trường kính đề nghị UBND tỉnh phê duyệt, công nhận trữ lượng địa chất và xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông tại bãi bồi và lòng suối Đạ K’Nàng, xã Đạ Đờn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng” cho Công ty TNHH Khánh Luân Gia, với các nội dung chính sau:  1. Diện tích phê duyệt trữ lượng là 4,954 ha (tương đương 1,423km lòng suối và 4,08ha bãi bồi), có tọa độ xác định tại Phụ lục số 01 và bình đồ phân khối trữ lượng kèm theo.  2. Phê duyệt trữ lượng địa chất khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường (*trữ lượng tính đến tháng 01/2022*):  Trữ lượng ở cấp 121: 141.254m3.  Trữ lượng ở cấp 122: 5.927m3  3. Mức sâu khối trữ lượng phê duyệt: như Phụ lục số 02 kèm theo.  Báo cáo và các tài liệu có liên quan khác giao nộp lưu trữ địa chất theo quy định.  Các nội dung khác theo mẫu số 30 kèm theo Thông tư số 45/2016/TT – BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. | |
| **2. Ý kiến Chuyên viên:**  Chuyên viên thống nhất với đề xuất của Sở TNMT tại văn bản nêu trên. Kính trình lãnh đạo xem xét chỉ đạo. | *Ngày 26 /02/2024*  **Lê Xuân Mạnh** |
| **3. Ý kiến lãnh đạo Văn phòng** (về đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 62/TTr-STNMT ngày 22/02/2024): | *Ngày /02/2024*  **Ngô Văn Ninh** |
| **4. Ý kiến giải quyết của PCT UBND tỉnh** (về đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 62/TTr-STNMT ngày 22/02/2024): | *Ngày /02/2024*  **Nguyễn Ngọc Phúc** |